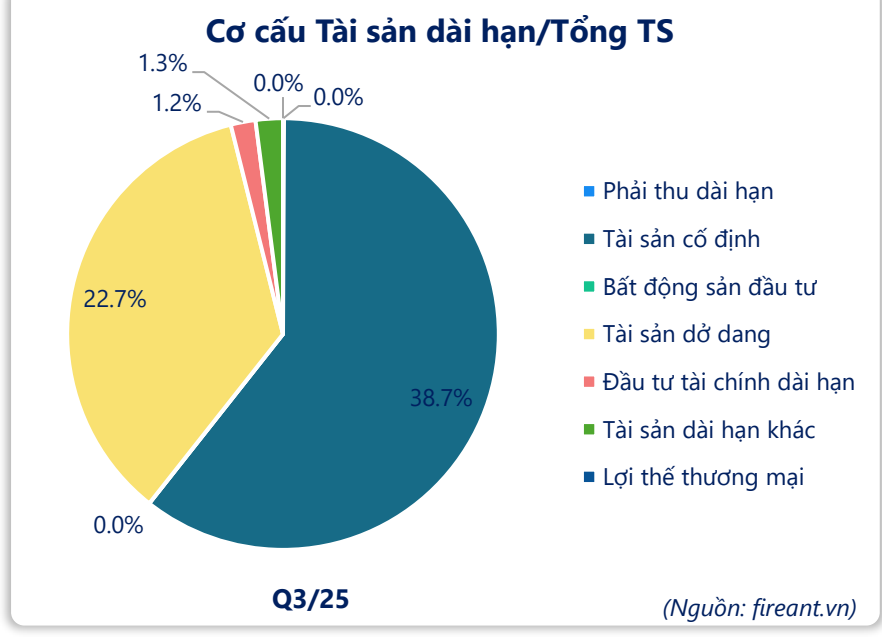
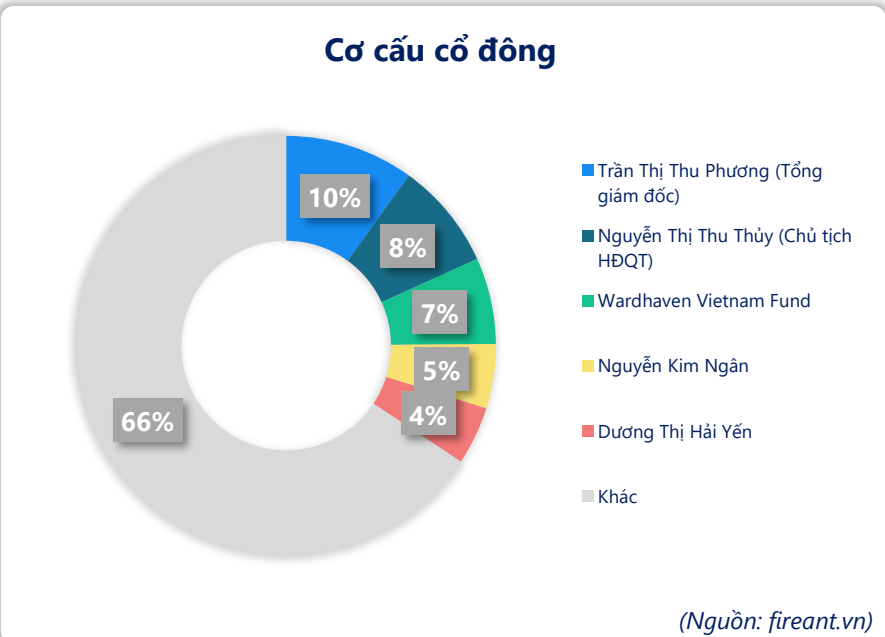
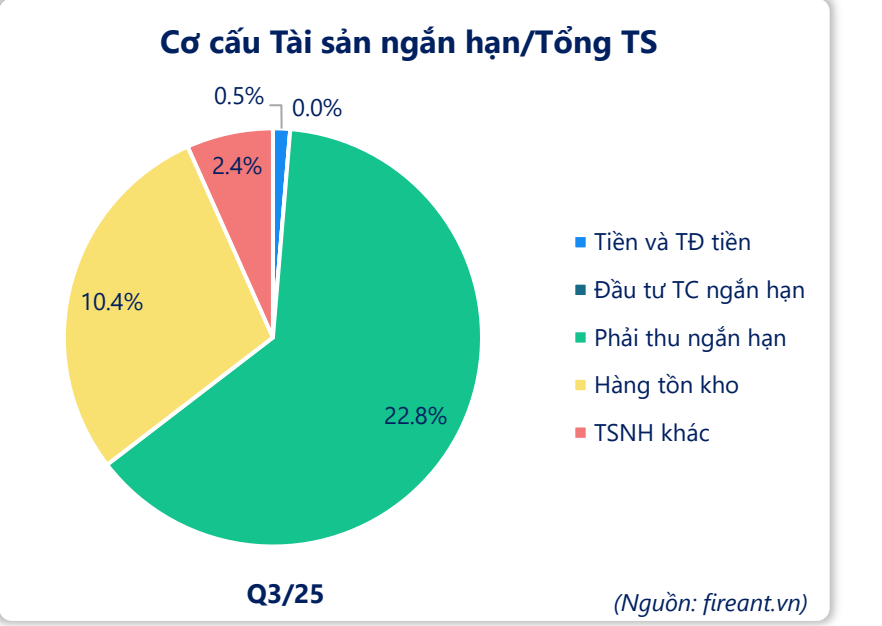
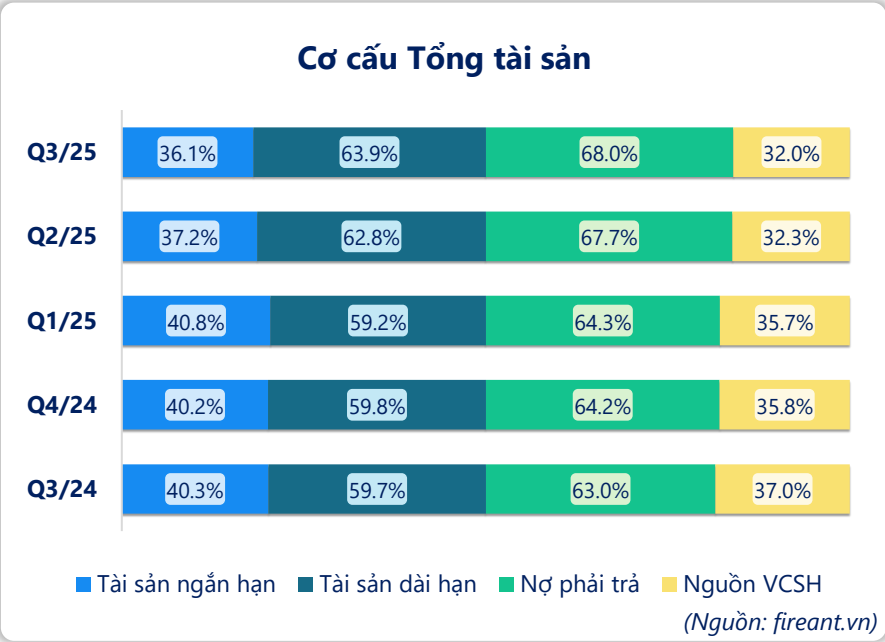
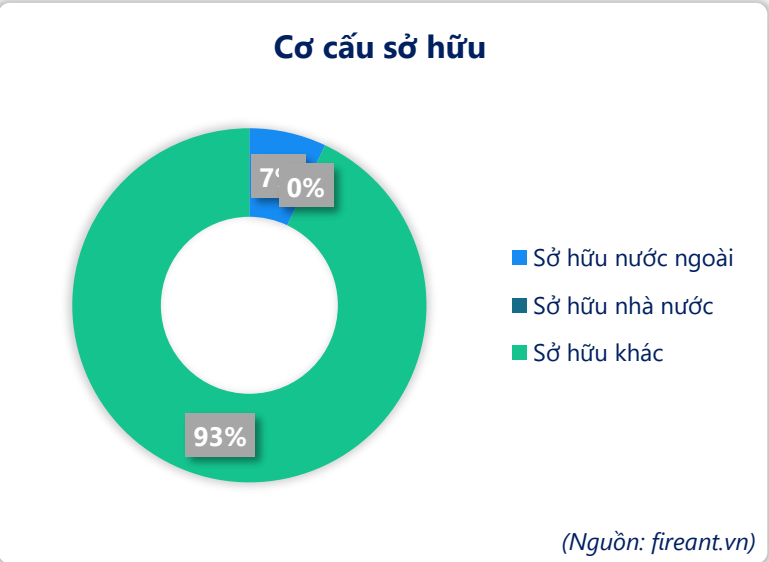
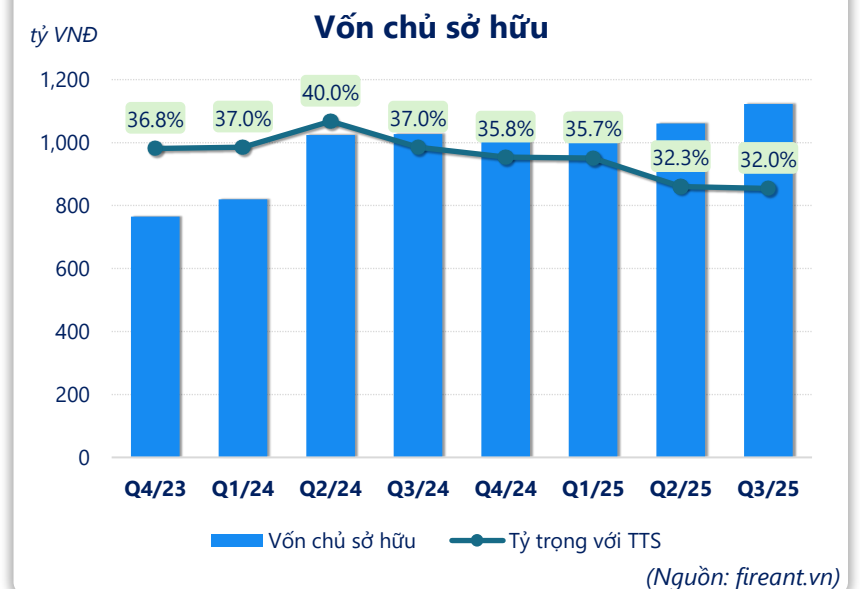
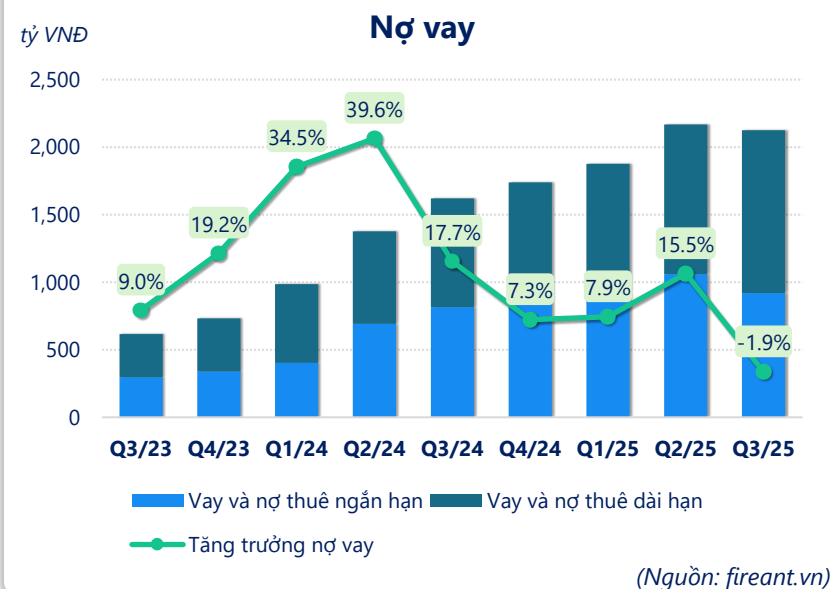
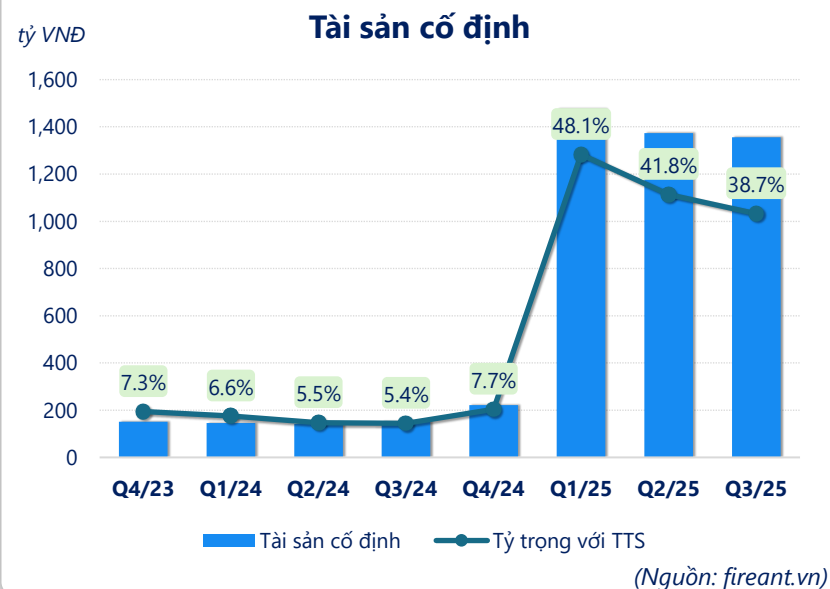
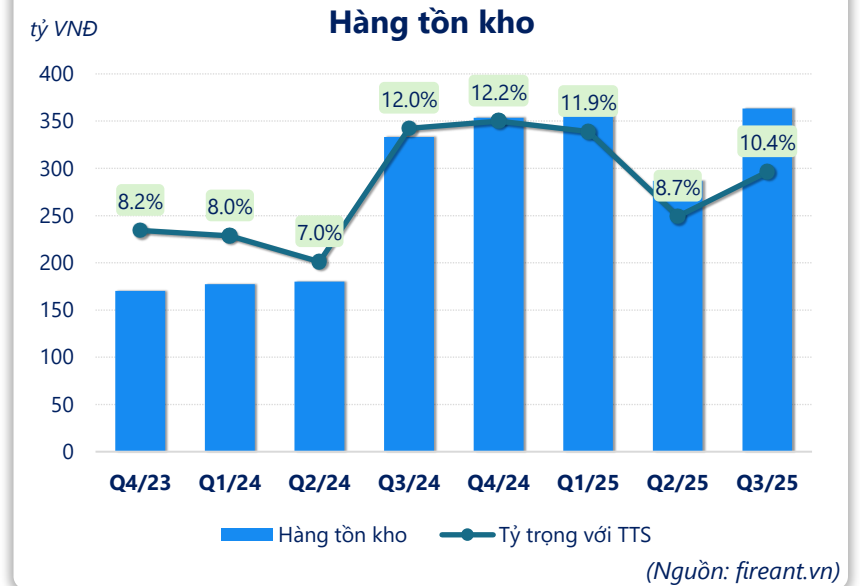
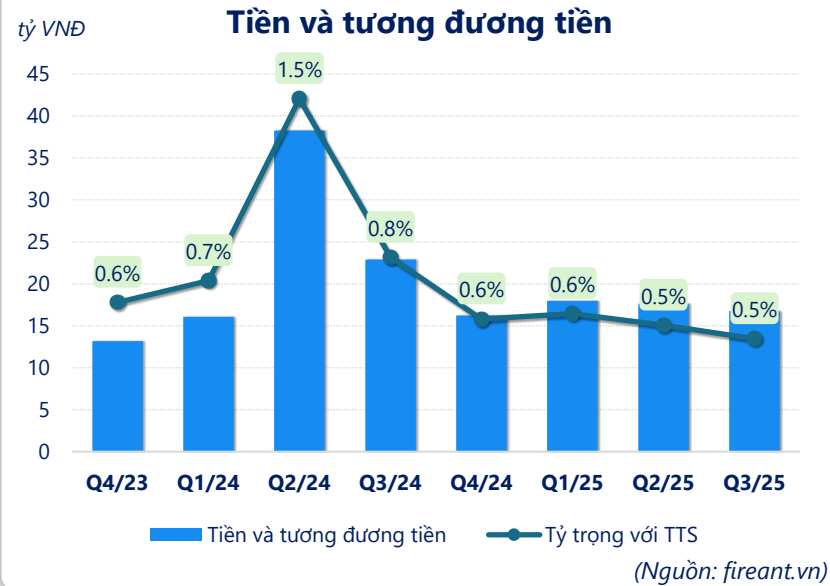
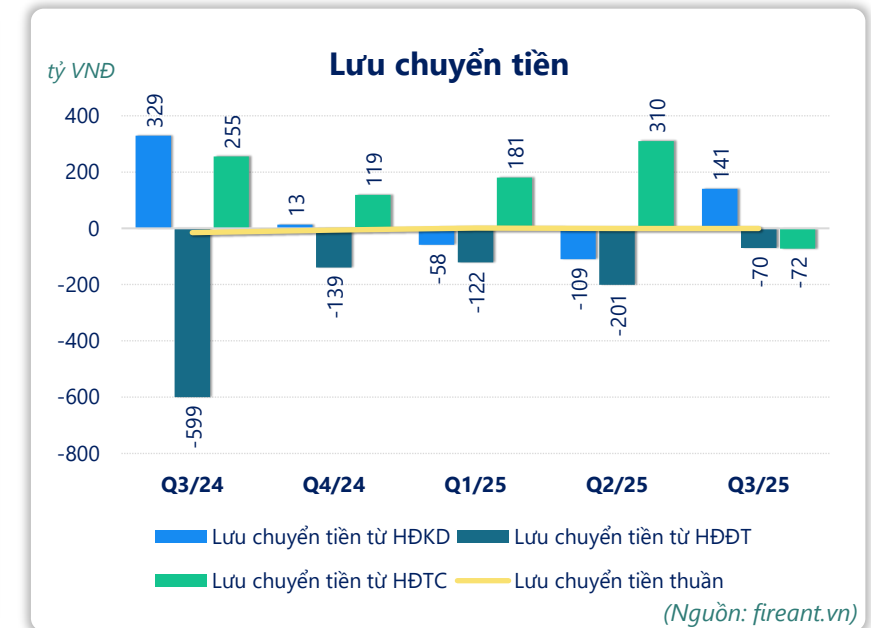
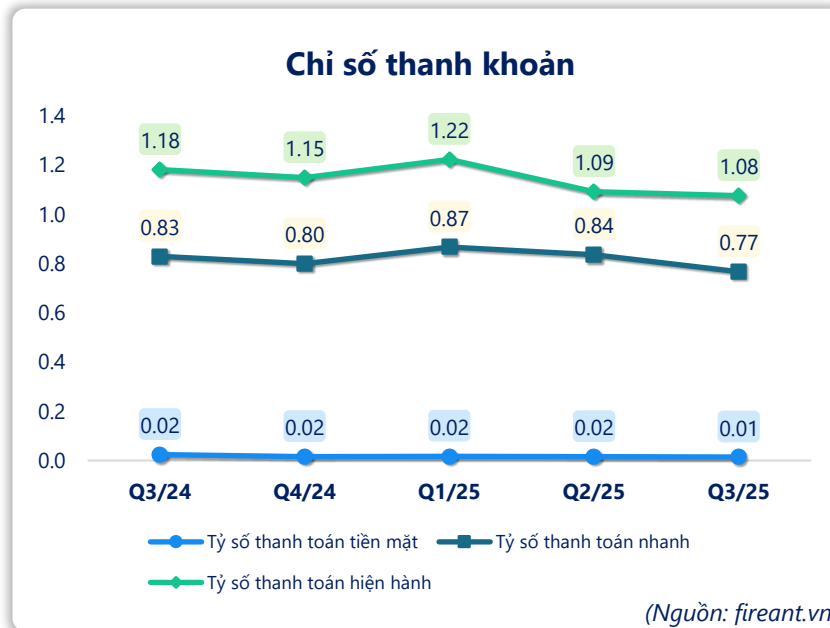
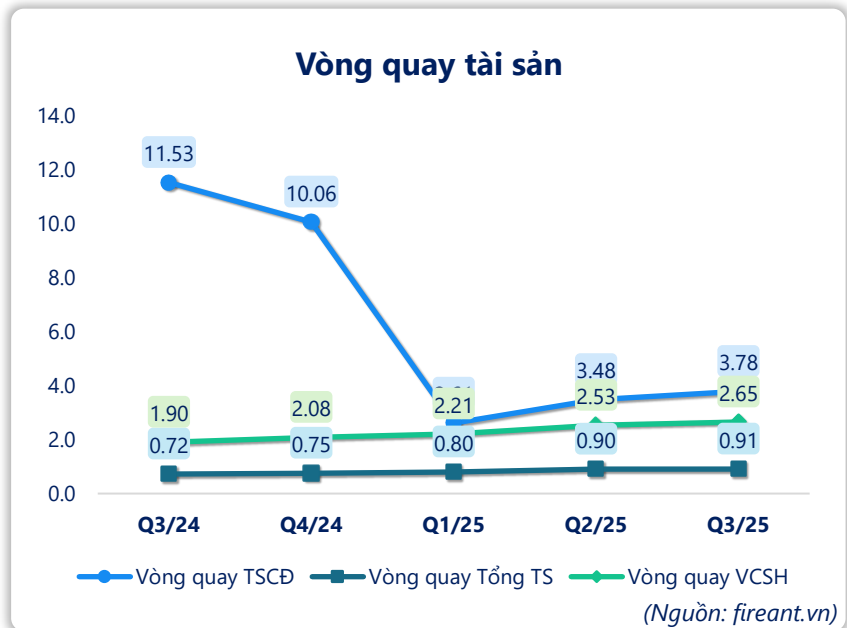
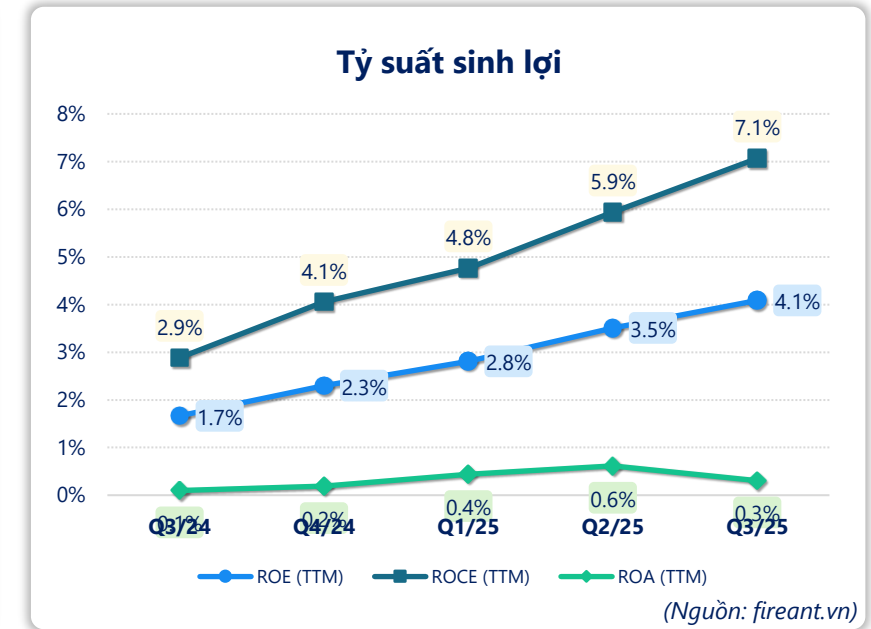
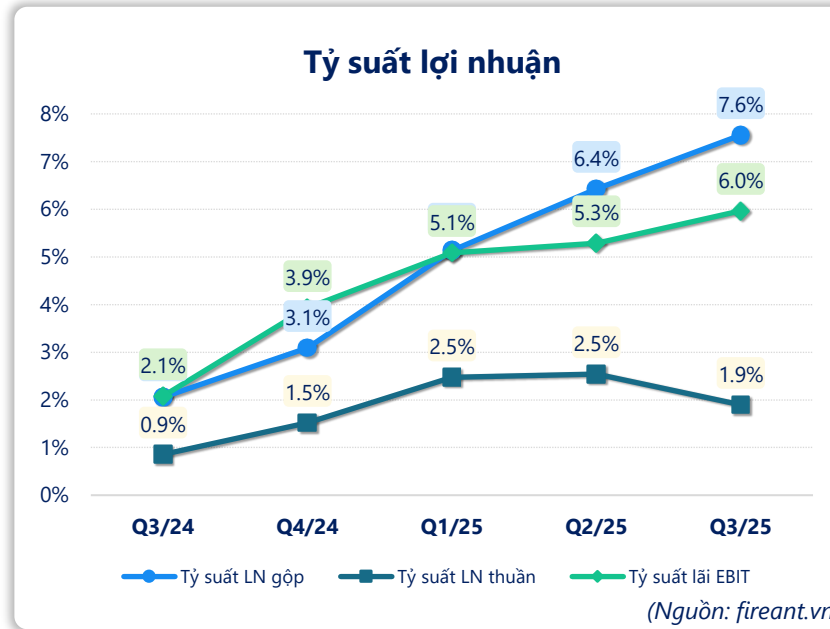
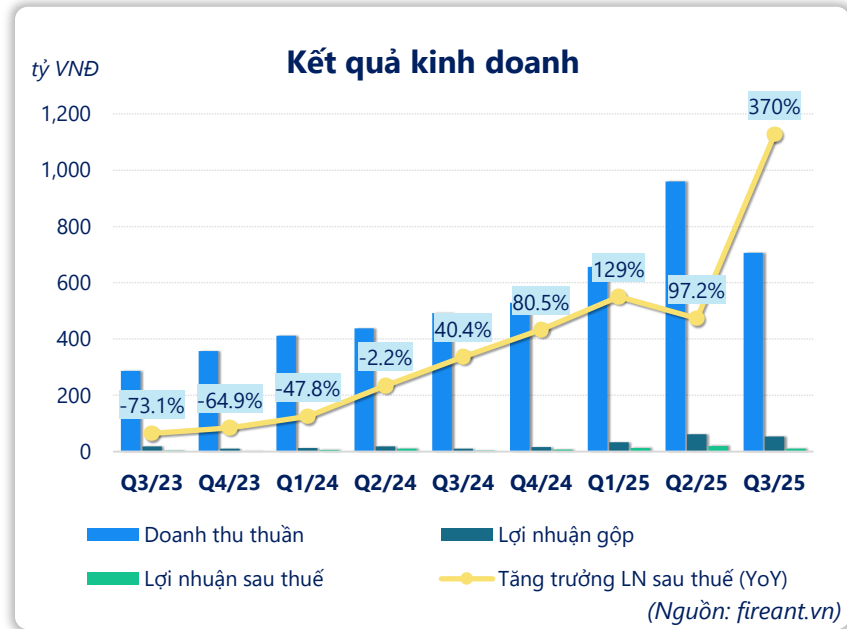


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,140
SL cổ phiếu LH		86,554,343
KLGD BQ 20 phiên (CP)		211,210
% sở hữu nước ngoài		7.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		822
P/E		18.7
EPS		508

	YTD	1T	3T	6T
HHP	14.5%	5.6%	3.3%	6.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,504	2,875	21.9%
Tài sản ngắn hạn	1,265	1,159	9.2%
Tiền và tương đương tiền	16.8	16.5	1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	207	-100%
Phải thu ngắn hạn	800	537	49.0%
Hàng tồn kho	363	354	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	84.5	44.6	89.5%
Tài sản dài hạn	2,239	1,716	30.5%
Phải thu dài hạn	1.69	1.98	-14.5%
Tài sản cố định	1,356	221	515%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	794	1,408	-43.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	41.5	39.7	4.5%
Tài sản dài hạn khác	45.7	45.6	0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,381	1,843	29.2%
Nợ ngắn hạn	1,176	994	18.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	920	896	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	110	69.6	58.3%
Nợ dài hạn	1,206	848	42.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,206	848	42.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,123	1,032	8.7%
Vốn chủ sở hữu	1,123	1,032	8.7%
Vốn điều lệ	866	866	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	493	528	656	960	706
Giá vốn hàng bán	482	512	622	898	652
Lợi nhuận gộp	10.1	16.3	33.7	61.7	53.3
Doanh thu HĐTC	3.51	2.55	2.98	2.79	2.06
Chi phí TC	6.28	9.60	17.3	27.7	33.9
Chi phí lãi vay	6.28	12.6	17.1	26.4	28.7
LN trong công ty LKLD	0	1.49	0	1.79	0.50
Chi phí bán hàng	2.10	1.10	1.14	7.26	4.49
Chi phí QLDN	1.03	1.64	1.99	6.94	4.07
LN thuần từ HĐKD	4.21	8.03	16.2	24.4	13.4
Lợi nhuận khác	-0.26	0.17	-0.02	-0.02	-0.01
LN trước thuế	3.96	8.20	16.2	24.4	13.4
Lợi nhuận sau thuế	3.20	6.71	12.8	19.7	9.81
LNST của CĐ cty mẹ	2.31	4.67	11.6	18.0	9.65

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	329	13.4	-58.1	-109	141
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-599	-139	-122	-201	-70.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	255	119	181	310	-71.6
Tiền đầu kỳ	38.2	22.9	16.5	18.0	17.6
Lưu chuyển tiền thuần	-15.3	-6.66	1.02	0.07	-0.88
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0	0.41	-0.41	0.03
Tiền cuối kỳ	22.9	16.2	18.0	17.6	16.8

(Nguồn: fireant.vn)